

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 28/2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân
tỉnh Cao Bằng ban hành thuộc lĩnh vực Tư pháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và
lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng
8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ
tịch, quốc tịch, chứng thực;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp
luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4
năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số
79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát,
hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 3608/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành thuộc lĩnh vực tư pháp; Báo cáo thẩm tra số 637/BC-HĐND ngày 01/12/2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành thuộc lĩnh vực Tư pháp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 90/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Thay thế Phụ lục nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết tại điểm a (có Phụ lục kèm theo).

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Đối với nội dung chi có tính chất đặc thù: Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, mức chi:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/hồ sơ;
- Cấp xã: 300.000 đồng/hồ sơ.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Các trường hợp miễn lệ phí hộ tịch

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, chấm dứt giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước”.

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là UBND cấp xã)”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
I	Mức thu áp dụng đối với các việc đăng ký hộ tịch trong nước	
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	8.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử.	8.000
3	Đăng ký lại kết hôn.	30.000
4	Nhận cha, mẹ, con.	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	15.000

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	15.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác.	8.000
8	Đăng ký hộ tịch khác.	8.000
II	Mức thu áp dụng đối với các việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài	
1	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	75.000
2	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử.	75.000
3	Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn.	1.500.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ.	75.000
5	Nhận cha, mẹ, con.	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	28.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	75.000
8	Đăng ký hộ tịch khác.	75.000
III	Mức thu áp dụng đối với các việc đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký khai tử tại khu vực biên giới	
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh cho trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới còn mẹ hoặc cha là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.	8.000
2	Đăng ký lại kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.	30.000

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
3	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam, tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.	15.000
4	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử cho người chết là người nước ngoài cư trú tại xã ở khu vực biên giới.	8.000

Điều 3. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 11, Điều 15, khoản 5 Điều 20 và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) được ngân sách nhà nước cấp kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

a) Sở Tư pháp;

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.”.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

“a) Nội dung chi, mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã có quy định theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành gồm:

Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác

kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật): thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Chỉ cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và đội ngũ cộng tác viên: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định một số chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài;

Chỉ tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Chỉ điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Chỉ khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi đua, khen thưởng;

Chỉ hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng;

Chỉ báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC), Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

3. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo

a) Thay thế cụm từ “tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” bằng cụm từ “tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP” tại số thứ tự 6 của Phụ lục.

b) Bãi bỏ các mức chi đối với cấp huyện tại Phụ lục kèm theo.

Điều 4. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi nội dung số thứ tự a mục 4 tại điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: 1000 đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
4	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày). Cán bộ, công chức, viên chức đã được hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.		Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	

2. Bãi bỏ các mức chi đối với cấp huyện tại điểm a khoản 3 Điều 1.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 38 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Vụ Công tác xây dựng văn bản QPPL, Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Cục Hành chính tư pháp, Cục Phổ biến GDPL và TGPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh

Phụ lục
NỘI DUNG, MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC VỀ THI HÀNH PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM
HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
1	Chi công tác phí cho những người thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2	Chi điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, chi hoạt động thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.
3	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
4	Chi cho công tác hệ thống hóa, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trong theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
5	Chi cho công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
6	Chi cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định một số chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.
7	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
8	Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ cho những người làm công tác theo dõi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
9	Chi tổ chức nghiên cứu khoa học về theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 87/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
10	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Cao Bằng.
11	Chi sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
12	Chi xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
13	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
14	Chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Thực hiện theo quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập theo các văn bản quy định của Trung ương, của tỉnh và các quy định của pháp luật hướng dẫn công tác đấu thầu.

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
15	Chi công bố kết quả xử lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện, theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
16	Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính (nếu có).	Theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hằng năm, theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

./.